

Bản án số: 153/2019/HS - PT.

Ngày: 29 - 10 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Cán bộ
Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng
Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 /10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 180/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo Phạm Thị T, do có kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T; đại diện của người bị hại anh Tạ Văn M và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2019/HS-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang:

Họ và tên: **Phạm Thị T**, sinh năm 1972;

Nơi ĐKKHKT, nơi ở: Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Văn T1 (đã chết);

Con bà Phạm Thị T2 (đã chết);

Chồng Tô Văn Đ, sinh năm 1972

Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2002;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Ong Thị Thanh - Luật sư Văn phòng Luật sư Vũ Anh Hùng - Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Địa chỉ : Số 120, đường Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

*** Đại diện hợp pháp cho bị hại:**

1. Anh Tạ Văn M, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1963 (Có mặt).

3. Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1963 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Y, tỉnh B.

4. Cháu Tạ Quang B, sinh ngày 16/10/2002.

5. Cháu Tạ Thị Hồng A, sinh ngày 18/10/2007.

Đại diện theo pháp luật của cháu B, cháu A:

Anh Tạ Văn M, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:**

Luật sư Nguyễn Văn Hải - Văn phòng luật sư Hải và Cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Anh Tô Văn Đ, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 15 phút ngày 24/6/2017, chị Nguyễn Thị T4 điều khiển xe mô tô BKS 98B1- 345.90 đi từ thôn C, xã Đ ra nhà chị Tạ Thị O ở thôn Q, xã Đ, huyện L, tỉnh B để ăn cơm. Khi chị T4 điều khiển xe mô tô đến khu vực đường giao nhau giữa đường chính từ thôn Đồng Dầu (thôn Cống 2) đi UBND xã Đông Hưng với đường nhánh đi vào thôn Tân Kỳ, xã Đông Hưng. Chị T4 điều khiển xe mô tô trên phần đường bên phải theo hướng di chuyển. Lúc này, Phạm Thị T, có giấy phép lái xe hạng A1 do Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/6/2006 điều khiển xe mô tô BKS 98F6 - 5274 đi từ đường nhánh thôn Tân Kỳ ra đường chính để rẽ trái về nhà, không nhường đường cho xe chị T4 đang đi trên đường chính nên đã gây tai nạn giao thông với xe mô tô của chị T4 làm hai xe bị đổ, chị T4 và T bị ngã ra đường. Sau khi xảy ra tai nạn, chị T4 bị thương nặng, còn T bị xây sát nhẹ đã gọi người dân đến cứu giúp. Tại thời điểm xảy ra vụ tai nạn giao thông trên không có ai chứng kiến sự việc. Khi nghe thấy tiếng va chạm xe và tiếng kêu cứu của Phạm Thị T, chị Nguyễn Thị N đang trông con ở trong nhà gần địa điểm xảy ra vụ tai nạn chạy đến. Khi chị Nguyệt tới nơi thấy người phụ nữ nằm ở mặt đường đầu chảy nhiều máu do sợ hãi nên không dám lại gần. Sau đó khoảng 02 phút thì có anh Vương A B1 cùng vợ đi qua cứu giúp cùng một số người dân đến hiện trường. Anh B1 cùng người dân đã đưa nạn nhân đi cấp cứu.

Ngay sau khi vụ tai nạn giao thông xảy ra, lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện Lục Nam tiến hành khám nghiệm hiện trường ban đầu. Toàn bộ tài liệu vụ việc được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam để giải quyết theo thẩm quyền.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và dựng lại hiện trường

Việc xác định hiện trường và quá trình khám nghiệm hiện trường được tiến hành theo thương vụ thôn Đồng Dầu đi UBND xã Đông Hưng.

Hiện trường xảy ra vụ tai nạn giao thông là khu vực ngã ba giao nhau giữa đường bê tông xi măng từ thôn Đồng Dầu đi UBND xã Đông Hưng (ký hiệu là đường số 1) với đường bê tông xi măng đi vào thôn Tân Kỳ (ký hiệu là đường số 2) thuộc địa phận thôn Quan 1, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Mặt đường từ thôn Đồng Dầu đi UBND xã Đông Hưng rộng 3,5m; lề đường đất bên phải rộng 1,3m; lề đường đất bên trái rộng 1,2m. Đường đi thôn Tân Kỳ rộng 2,5m nơi giao nhau với đường từ Đồng Dầu đi UBND xã Đông Hưng rộng 6,9m. Cách hiện trường tai nạn 27m về hai phía thôn Đồng Dầu và UBND xã Đông Hưng là đoạn đường cong, hạn chế tầm nhìn đối với các phương tiện đi vào ngã ba do bị các cây vải che khuất. Hiện trường không có biển báo giao thông đường bộ.

Tại hiện trường phát hiện xe mô tô BKS 98F6 - 5274 đổ nghiêng bên phải trên mặt đường đi thôn Tân Kỳ. Đầu xe hướng thôn Đồng Dầu, đuôi xe hướng thôn Tân Kỳ. Trục sau xe mô tô cách cột điện số 119II/DH1 là 3,05m và cách mép đường số 1 là 0,6m. Trục bánh trước xe mô tô tại vị trí giao nhau giữa đường số 1 và số 2.

Tại mặt đường số 1 phát hiện xe mô tô BKS 98B - 345.90 đổ nghiêng bên trái. Đầu xe hướng thôn Đồng Dầu, đuôi xe hướng UBND xã Đông Hưng. Trục trước xe mô tô BKS 98B1- 345.90 cách trục sau, trục trước xe mô tô 98F6- 5274 và cách mép đường bên phải đường số 1 lần lượt là 5,95m; 6,6m; 1,9m. Trục sau xe mô tô cách mép đường bên phải đường số 1 là 2,8m.

Tại mặt đường số 1 phát hiện dấu vết cày xước không liên tục hướng từ thôn Đồng Dầu đi UBND xã Đông Hưng, ký hiệu X, kích thước (7,05 x 0,6)m. Điểm đầu vết cày xước X cách mép đường phải đường số 1 là 0,6m và cách trục trước xe mô tô 98F6- 5274 là 0,63m. Điểm cuối vết cày xước X cách mép đường phải đường số 1 và cách trục trước xe mô tô BKS 98B1 - 345.90 lần lượt là 1,9m và 0,65m.

Tại mặt đường số 1 phát hiện vết máu ký hiệu M, kích thước (0,56 x 0,4)m. Vết máu cách mép đường phải đường số 1 là 1,9m và cách trục sau xe mô tô 98B1- 345.90 là 0,7m.

Ngày 09/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã tiến hành dựng lại hiện trường vụ tai nạn giao thông theo quy định. Kết quả các phương

tiện và dấu vết dừng lại hoàn toàn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 17 giờ 40 phút ngày 24/6/2017 và sơ đồ hiện trường, bản ảnh của lực lượng cảnh sát giao thông.

Kết quả khám nghiệm phương tiện và giám định cơ chế hình thành dấu vết:

Kết quả khám nghiệm xe mô tô BKS 98F6 - 5274: Xe mô tô BKS 98F6 - 5274 là loại xe nhãn hiệu HONDA DREAM, màu sơn nâu. Vành bánh trước bị cong vênh, biến dạng, bẹp vào trong trên diện (16x2,5)cm, cách chân van 36cm; lốp bánh trước hết hơi, mặt lăn lốp tương ứng vị trí vành cong bị mài sát cao su. Càng xe phía trước bên trái bị chùn cong hướng từ trước về sau, từ trái sang phải. Lồng xe phía trước bị bẹp lõm trên diện (23x15)cm. Chấn bụn sau bánh trước bị vỡ nhựa trên diện (25x7)cm. Cản gương chiếu hậu bên phải bị lỏng, mặt ốp ngoài gương bị mài sát nhựa, kích thước (3x2)cm. Đẻ chân trước bên phải bị rách cao su, mài mòn kim loại, kích thước (2,5x2,5)cm.

Kết quả khám nghiệm xe mô tô BKS 98B1 - 345.90: Xe mô tô BKS 98B1 - 345.90 là loại xe nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen- bạc. Chấn bụn bánh trước bị trầy xước sơn nhựa trên diện (22x8)cm. Mặt nạ đầu xe bị vỡ nứt dài 04cm. Cánh yếm bên phải bị vỡ nứt vỡ nhựa kích thước (27x9)cm. Đầu trên cánh yếm phải bị vỡ nứt nhựa dài 10cm. Đầu tay nắm bên trái bị mài xước kim loại, kích thước (4x2)cm. Sườn xe bên phải phía trên lốc máy bị vỡ nứt nhựa dài 09cm. Vỏ máy bên phải bị mài sát kim loại, kích thước (4x2)cm. Đẻ chân trước bên trái bị cong vênh hướng từ dưới lên trên, từ ngoài vào trong, mài mòn cao su, kích thước (3x2)cm. Đẻ chân sau bên trái bị mài mòn kim loại, kích thước (1,5x0,5)cm. Ốp nhựa biển số bị vỡ, kích thước (14x7,5)cm. Gương chiếu hậu bên trái bị vỡ khuyết, không có gương chiếu hậu bên phải.

Ngày 12/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã ra quyết định trưng cầu giám định số 128 xác định cơ chế hình thành dấu vết va chạm giữa xe mô tô 98F6 - 5274 với xe mô tô 98B1 - 345.90, vị trí va chạm trên mặt đường, tốc độ các phương tiện khi xảy ra tai nạn. Tại bản kết luận giám định số 1214/KL-PC54, ngày 28/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Dấu vết nứt vỡ, chùn cong, kim loại, nhựa ở cánh yếm phải, sườn phải, vỏ máy bên phải của xe mô tô 98B1- 345.90 được hình thành do va chạm với dấu vết mài sát chùn cong kim loại, cao su ở bánh trước, giảm sóc trước của xe mô tô 98F6 - 5274 là phù hợp.

- Vị trí va chạm giữa xe mô tô 98F6 - 5274 với xe mô tô 98B1- 345.90 trên mặt đường ở phía trước điểm đầu dấu vết cày xước mặt đường ký hiệu X, thuộc

phần đường bên phải theo hướng Đồng Dầu- UBND xã Đông Hưng, trong khu vực ngã ba.

- Không đủ căn cứ để xác định tốc độ của các phương tiện khi xảy ra tai nạn.

Ngày 17/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung số: 170 trưng cầu giám định: *“Tại thời điểm xe mô tô 98F6- 5274 va chạm với xe mô tô 98B1- 345.90 thì hai phương tiện ở trạng thái tĩnh hay trạng thái động? Nếu hai xe mô tô chuyển động thì đi về hướng nào”*. Ngày 20/10/2017, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang ban hành công văn số: 1610/CV-PC54 về việc trả lời yêu cầu giám định dấu vết cơ học trong vụ án tai nạn giao thông: *“Nội dung yêu cầu giám định vượt quá khả năng của Phòng kỹ thuật hình sự do đó đơn vị từ chối giám định”*.

Ngày 27/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung số: 64 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang giám định bổ sung: *“Cơ chế hình thành dấu vết xước X không liên tục trên mặt đường, kích thước (7,05x0,6)m trong vụ tai nạn giao thông?”*. Tại bản kết luận giám định số: 317/KL-PC54 ngày 08/03/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *“Dấu vết cày xước mặt đường, ký hiệu X được hình thành do quá trình xe mô tô 98B1- 345.90 đổ nghiêng trái và văng rê trên mặt đường tạo nên là phù hợp”*.

Ngày 27/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung số: 63 yêu cầu giám định bổ sung: *“Tại thời điểm xe mô tô 98F6 - 5274 va chạm với xe mô tô 98B1- 345.90 thì xe mô tô biển số 98F6 - 5274 đang ở trạng thái tĩnh hay ở trạng thái động?”. Tại bản kết luận giám định số 1376/C54(P3), Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát Bộ Công an kết luận: “Không xác định được tại thời điểm xe mô tô biển số 98F6- 5274 va chạm với xe mô tô 98B1- 345.90 thì xe mô tô biển số 98F6 - 5274 đang ở trạng thái tĩnh hay ở trạng thái động”*.

Kết quả thực nghiệm điều tra:

Ngày 25/6/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã ra quyết định thực nghiệm điều tra xác định vị trí hai xe mô tô khi xảy ra va chạm; Diểm đầu vết cày xước mặt đường ký hiệu X do vị trí nào của xe mô tô 98B1- 345.90 gây ra. Ngày 19/7/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam cùng các đơn vị liên quan tiến hành thực nghiệm điều tra tại hiện trường vụ tai nạn giao thông. Ngày 28/7/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang có kết luận số: 1075/KL-PC54 đánh giá, nhận xét kết quả thực nghiệm điều tra như sau:

- Điểm đầu vết cày xước mặt đường ký hiệu X được hình thành do đầu ngoài đế chân trước bên trái của xe mô tô 98B1 - 345.90 tiếp xúc với mặt đường khi đổ nghiêng trái tạo nên là phù hợp

- Vị trí va chạm giữa hai xe mô tô cụ thể ở khu vực ngã ba thuộc đường chính từ thôn Đông Dầu đi UBND xã Đông Hưng.

Khi xảy ra va chạm xe mô tô 98B1- 345.90 không có bộ phận nào nằm trên mặt đường nhánh đi thôn Tân Kỳ.

Mặt lốp bánh trước (phần nhô ra ngoài cùng phía trước) của xe mô tô 98F6 - 5274 nằm trên đường chính từ thôn Đông Dầu UBND xã Đông Hưng là phù hợp.

Về thiệt hại trong vụ tai nạn giao thông:

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 7883/17/TgT ngày 03/8/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang, kết luận: *“Tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị Nguyễn Thị T4 do thương tích gây nên hiện tại là 43%”*. Ngày 27/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã ra quyết định trưng cầu giám định bổ sung số: 12 xác định bổ sung tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe của chị Nguyễn Thị T4. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 8031/17/TgT ngày 15/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang, kết luận: *“Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 86%”*.

Ngày 20/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam có Bản kết kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số: 05/KLĐT-CQCSĐT Quyết định chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án và Bản kết luận điều tra đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đề nghị truy tố bị can Phạm Thị T về tội *“Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”* theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999. Do phát sinh tình tiết mới trong vụ án, sau khi Cơ quan điều tra kết thúc điều tra và chuyển hồ sơ vụ án đề nghị Viện kiểm sát truy tố đối với bị can trong vụ án thì ngày 25/12/2018 bị hại trong vụ án là chị Nguyễn Thị T4 đã tử vong nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam ra quyết định trả hồ sơ cho Cơ quan điều tra để điều tra bổ sung.

Ngày 25/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã ra quyết định trưng cầu giám định số: 22 xác định nguyên nhân chết của chị Nguyễn Thị T4.

Kết quả khám nghiệm tử thi:

Khám ngoài: Tử thi nữ giới được xác định là Nguyễn Thị T4, sinh năm 1983 ở thôn C, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trang phục và các vật dụng mang theo: Mặc ngoài áo sơ mi màu trắng chấm đen dài tay, bên trong mặc áo lót màu hồng, mặc quần dài màu nâu bên trong có đóng bím màu xanh và mặc quần lót màu tím, hai chân hai tay đeo tất màu tím trắng đỏ. Chiều dài tử thi 1,52m; thể

trạng suy mòn, suy kiệt. Tình trạng tử thi: đang trong giai đoạn lạnh và cứng xác, hoen tử thi tập trung ở mặt sau cơ thể.

Các dấu vết, thương tích:

- Vùng đầu tóc đen, cắt ngắn, hai lỗ tai, hai lỗ mũi khô, hai mắt hé mở, đồng tử hai bên giãn to, miệng ngậm lưỡi trong khung răng.

- Vùng cổ trước có đặt 01 ca luy n mở thông khí quản

- Vùng trán đỉnh, chẩm thái dương phải có đường mổ cũ hình cong, đã liên sọc dài 38 cm, phía trong đường mổ bề mặt da đầu và xương hộp sọ lồi lõm biến dạng.

- Vùng trán đỉnh, chẩm, thái dương trái có đường mổ cũ hình cong dài 33cm đã liên sọc tốt. Toàn bộ tổ chức da đầu, xương hộp sọ phía trong đường mổ biến dạng.

- Vùng hạ sườn trái có vết sọc dài 04 cm đã liên sọc tốt.

- Tổ chức da toàn bộ cơ thể nhợt nhạt, tím các đầu ngón tay, ngón chân tím.

- Vùng cù ỷ cụt có vết loét da nằm chính giữa bờ mép hoại tử kích thước (08x8,5)cm.

- Mặt sau ngoài gót chân hai bên có diện da sẫm màu kích thước (05x03)cm.

Tại Kết luận giám định giám định pháp y tử thi số: 61/KL-KTHS ngày 10/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận: *“Nguyên nhân chết của chị Nguyễn Thị T4: Chấn thương sọ não không hồi phục trên người đã phẫu thuật sọ não, điều trị viêm phổi, viêm màng não mủ kéo dài suy mòn, suy kiệt”*.

Ngày 13/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã Trung cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lục Nam. Tại Kết luận định giá tài sản ngày 15/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Lục Nam xác định: Xe mô tô biển số 98F6 - 5274 bị hư hỏng, thiệt hại 1.850.000 đồng; xe mô tô biển số 98B1- 345.90 bị hư hỏng, thiệt hại 680.000 đồng.

Bị cáo Phạm Thị T trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đều khai nhận khoảng 16 giờ 15 phút ngày 24/6/2017, bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 98F6 - 5274 đi từ đường nhánh thôn Tân Kỳ ra đường chính để rẽ trái về nhà, trước khi rẽ trái bị cáo có bấm còi, giảm tốc độ, bật xi nhan xin đường và cách 20m bị cáo đã nhìn thấy xe mô tô của bị hại (chị T4) đang đi trên đường chính theo hướng thôn Đồng Dầu đi UBND xã Đông Hưng, bị cáo đã cho xe dừng lại, lúc này xe của bị cáo vẫn nằm hoàn toàn trên đường nhánh của thôn Tân Kỳ, bánh xe trước của xe bị cáo mới chớm đến mép đường chính, chưa lên đường chính. Do chị T4 đi với tốc độ cao nên đã đâm vào xe của bị cáo, bị cáo xác định phần lóc máy và để chân bên phải của xe mô tô chị T4 đã va vào đầu bánh xe trước của bị cáo. Sau khi vụ tai nạn giao thông xảy ra bị cáo đã nhờ người đưa chị T4 đi cấp cứu. Khi Cảnh sát giao thông đến khám nghiệm

hiện trường, lập biên bản, vẽ sơ đồ hiện trường bị cáo có ở đó và được ký vào biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường ngày 24/6/2017. Bị cáo xác định khi Cảnh sát giao thông đến hiện trường các dấu vết còn nguyên vẹn, vị trí xe mô tô của bị cáo và chị T4 thực tế đồ so với sơ đồ, bản ảnh hiện trường là hoàn toàn đúng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự 1999 là không có căn cứ vì bị cáo không có lỗi trong việc gây tai nạn cho bị hại, bị cáo bị oan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư Nguyễn Văn Hải trình bày quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự 1999, về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù. Về trách nhiệm bồi thường: Đề nghị bị cáo phải bồi thường thiệt hại:

1. Tiền thuốc men điều trị, thuê xe đi chữa trị tại các Bệnh viện, theo hóa đơn là 88.651.800đ, tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe từ 1 triệu đến 1,5 triệu/ tháng, tổng cộng 122.294.000đ.

2. Tiền tổn thất tinh thần 100 tháng lương tối thiểu: 139.000.000đ;

3. Tiền mất thu nhập của bị hại thời gian nằm Viện 4 tháng và thời gian 13 tháng về nhà x 200.000đ/ngày.

4. Tiền mất thu nhập của người nuôi là chồng bị hại (anh Mạnh) thời gian nằm Viện 4 tháng x 120 ngày x 400.000đ/ngày = 48.000.000đ;

5. Tiền bị hại phải nghỉ ngơi, điều trị sau khi ra Viện từ tháng 10/2017 đến ngày 25/12/2018 = 420 ngày x 200.000đ/ngày = 84.000.000đ.

6. Tiền một người nuôi bị hại phục vụ bị hại từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2018 = 420 ngày x 200.000đ/ngày = 84.000.000.

7. Tiền mai táng phí: Tiền kền, trống trôn gói 18.000.000đ; Tiền làm cỗ phục vụ đám ma 25.000.000đ; Tiền xây phần mộ 15.000.000đ, tổng cộng 58 triệu đồng.

8. Tiền cấp dưỡng hai con bị hại mỗi cháu 695.000đ/tháng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi.

9. Tiền hỗ trợ cho người sinh ra bị hại theo quy định pháp luật.

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường 559.000.000đ (Năm trăm năm mươi chín triệu đồng); Tiền xe mô tô bị hư hỏng 680.000đồng.

Lời khai của đại diện bị hại anh Tạ Văn M, ông Đỗ Đức Tài, bà Đỗ Thị V đều thống nhất: Khi chị T4 xảy ra tai nạn anh Mạnh, ông Tại, bà Vòng đều không có mặt tại hiện trường ngay, sau có người báo mới biết sự việc, nay cùng thống nhất quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Sau khi xảy ra tai nạn bị cáo khai đã hỗ trợ đưa cho gia đình bị hại 10 triệu đồng. Đại diện hợp pháp bị hại khai toàn bộ tiền lo chữa trị, tiền mai táng phí cho bị hại là do tiền của anh Mạnh bỏ ra. Về yêu cầu bồi thường dân sự, các đại diện hợp pháp cho bị hại đều thống nhất yêu cầu trên của Luật sư đưa ra và thống nhất toàn bộ số tiền bồi thường trong đó phần bồi thường về tổn thất tinh thần của ông Tài, bà Vòng được hưởng, ông Tài, bà Vòng đều đề nghị Hội đồng xét xử sẽ giao tất cả cho anh Mạnh nhận. Các đại diện bị hại xác định chi T4 vào Viện từ ngày 24/6/2017, ra Viện ngày 27/10/2017, tổng 4 tháng, 03 ngày nhưng đại diện bị hại đề nghị tính tròn 4 tháng; Thời gian bị hại về nhà từ ngày 27/10/2017 đến ngày 25/12/2018 chết là 13 tháng 28 ngày, tính tròn 13 tháng làm căn cứ tính bồi thường.

Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã tạm giữ: 01 xe mô tô BKS 98F6 - 5274, 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 98F6 - 5274, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phạm Thị T số AA 108423 do Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/6/2006; 01 xe mô tô BKS 98B1- 345.90, 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 98B1- 345.90, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Thị T4 số 241106245142 do Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 26/12/2016.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 31/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự 1999.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2019/HS-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 202; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 591 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Thị T phải bồi thường thiệt hại do anh Tạ Văn M đại diện số tiền 372.331.800đ, bị cáo đã bồi thường được số tiền 10.000.000đ, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 362.331.800đ (Ba trăm sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi một nghìn tám trăm đồng).

Bị cáo Phạm Thị T phải cấp dưỡng cho cháu Tạ Quang B, sinh ngày 16/10/2002 và cháu Tạ Thị Hồng A, sinh ngày 18/10/2007, mỗi cháu 695.000đ/tháng, kể từ ngày 25/12/2018 cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Phạm Thị T 01 xe mô tô BKS 98F6 - 5274, 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 98F6 - 5274, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phạm Thị T số AA 108423 do Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/6/2006;

Trả lại cho anh Tạ Văn M 01 xe mô tô BKS 98B1- 345.90; 01 giấy đăng ký xe mô tô BKS 98B1- 345.90; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Thị T4 số 241106245142 do Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 26/12/2016.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 18.616.590 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/7/2019, bị cáo Phạm Thị T nộp đơn kháng cáo với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt và cho hưởng án treo, đề nghị giảm mức bồi thường cho bị cáo.

Ngày 25/7/2019, đại diện người bị hại là anh Tạ Văn M kháng cáo với nội dung đề nghị Toà phúc thẩm tăng hình phạt tù đối với bị cáo và tăng mức bồi thường dân sự.

Tại Quyết định kháng nghị số: 04/QĐ- P7 ngày 09/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang kháng nghị một phần bản án sơ thẩm đề nghị Toà phúc thẩm sửa án sơ thẩm, áp dụng mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng để làm căn cứ bồi thường tổn thất về tinh thần cho người đại diện cho bị hại; cấp dưỡng cho các con của bị hại là người dưới 18 tuổi theo mức mỗi cháu 745.000 đồng / tháng.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Phạm Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo xác định bị cáo có lỗi, Toà sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” là đúng. Bị cáo tự nguyện nộp 200.000.000 đồng bồi thường cho đại diện bị hại khắc phục hậu quả. Ngoài ra bị cáo có bố mẹ đẻ, bố mẹ chồng, các anh ruột có công được tặng thưởng Huân, Huy chương, B khen, Giấy khen.

Đại diện người bị hại là anh Tạ Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do: Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 tháng tù là thấp đề nghị tăng hình phạt lên mức 18 tháng tù. Đề nghị tăng mức bồi thường, tăng tiền bồi thường tổn thất về tinh thần lên 100 tháng lương cơ bản. Ngày công mất thu nhập cấp sơ thẩm tính 100.000 đồng/1 ngày/1 người là thấp đề nghị tăng mức 200.000 đồng/1 ngày/1 người. Tiền mai táng phí cấp sơ thẩm chấp nhận thấp không hợp lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang công bố Quyết định kháng nghị số: 04/QĐ- P7 ngày 09/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T xin giảm nhẹ hình phạt, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T sửa bản án sơ thẩm; giữ nguyên mức hình phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, phải chịu 24 tháng thử thách kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường thêm cho đại diện người bị hại 100.000.000đồng ngoài số tiền 210.000.000đồng bị cáo đã tự nguyện nộp bồi thường; cấp dưỡng nuôi 2 con của chị T4 mỗi cháu 745.000đồng/ 1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355. Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt và tăng mức bồi thường của anh Tạ Văn M đại diện của người bị hại.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để sửa án sơ thẩm về mức bồi thường tổn thất về tinh thần và cấp dưỡng theo mức lương cơ bản là 1.490.000đồng/ 1 tháng .

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị T phát biểu tranh luận: Về tội danh và hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng xét xử đối với bị cáo Phạm Thị T là đúng. Trong vụ án này phía bị hại là chị T4 có một phần lỗi là khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông qua ngã tư không giảm tốc độ. Bị cáo T phạm tội do lỗi vô ý, gia đình bị cáo có công với cách mạng, sau khi xét xử sơ thẩm đã tự nguyện nộp thêm 200.000.000đồng để bồi thường cho gia đình người bị hại, bị cáo là nữ giới, xuất thân từ gia đình lao động, nhất thời phạm tội có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Đề nghị Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật cho bị cáo T được hưởng án treo. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho đại diện người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Thị T nhất trí như lời bào chữa của Luật sư không có ý kiến tranh luận gì.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện người bị hại là anh Tạ Văn M phát biểu tranh luận: Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị hại một phần có lỗi là không chính xác bởi lẽ theo bản cáo trạng truy tố thì không có chỗ nào nêu là người bị hại có lỗi. Tại phiên toà sơ thẩm đã xem xét khách quan, toàn diện,

bị cáo không thành khẩn khai báo ăn năn hối cải do vậy đại diện người bị hại mới kháng cáo. Về trách nhiệm bồi thường dân sự đề nghị tính theo mức thu nhập là 200.000đồng/1 người/1 ngày cho người bị hại không lao động được, số tiền bồi thường tổn thất về tinh thần đề nghị tính theo mức là 100 tháng lương cơ bản. Đề nghị xem xét bồi thường thêm tiền mai táng phí. Về quan điểm của Viện kiểm sát phát biểu tại phiên toà phúc thẩm cũng như lời bào chữa của Luật sư cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện người bị hại là anh Tạ Văn M nhất trí ý kiến phát biểu tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho mình, không tranh luận gì thêm.

Đối đáp của đại diện Viện kiểm sát: Đối với Luật sư Hải bảo vệ quyền và lợi ích cho anh Tạ Văn M đề nghị tính ngày công mất thu nhập là 200.000đồng/1 người/1 ngày thì Toà sơ thẩm đã tính mức là 200.000đồng/1 người/1 ngày. Về tiền chi phí mai táng cấp sơ thẩm đã tính toán số tiền phải chi phí là đúng quy định của pháp luật. Đối với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử cho bị cáo T được hưởng án treo là đúng quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Đối đáp của Luật sư Hải là người bảo vệ quyền và lợi ích cho anh Tạ Văn M: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức bồi thường tổn thất về tinh thần là 100 tháng lương cơ bản và các khoản bồi thường khác cho đại diện người bị hại vì cấp sơ thẩm giải quyết là thấp. Trong vụ án này không có căn cứ nào cho rằng người bị hại tham gia giao thông có lỗi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Bị cáo Phạm Thị T nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận ra tội lỗi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T và đại diện người bị hại là anh Tạ Văn M đã được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo và đại diện người bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Thị T thì thấy: Phạm Thị T sinh năm 1972, ở thôn Quan I, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có

Giấy phép lái xe hạng AI do Sở giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/6/2006. Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 24/6/2017, tại khu vực đường giao nhau giữa đường chính từ thôn Đồng Dầu đi UBND xã Đông Hưng với đường nhánh đi vào thôn Tân Kỳ, xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang Phạm Thị T điều khiển xe mô tô BKS 98F6 - 5274, đi từ đường nhánh thôn Tân Kỳ ra đường chính để rẽ trái về nhà, không nhường đường cho xe chị Nguyễn Thị T4 đang đi trên phần đường bên phải theo hướng di chuyển trên đường chính từ thôn Đồng Dầu đi UBND xã Đông Hưng nên đã gây tai nạn giao thông với xe của chị T4. Do bị thương nặng, sau thời gian dài điều trị tại các bệnh viện từ ngày 24/6/2017 đến ngày 25/12/2018, chị Nguyễn Thị T4 đã tử vong. Theo kết luận giám định pháp y kết luận nguyên nhân chết của chị Nguyễn Thị T4: Chấn thương sọ não không hồi phục trên người đã phẫu thuật sọ não, điều trị viêm phổi, viêm màng não mủ kéo dài suy mòn, suy kiệt. Khi tham gia giao thông bị cáo Phạm Thị T đã vi phạm quy định khoản 3 điều 24 Luật giao thông đường bộ.

Như vậy hành vi của bị cáo Phạm Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự 1999. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Thị T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” được quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự 1999, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T: Tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo, giảm mức bồi thường cho đại diện người bị hại, Hội đồng xét xử thấy:

Về hình phạt áp dụng: Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Án sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Phạm Thị T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp các quy định của nhà nước về an toàn giao thông vận tải đường bộ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải nghiêm trị bằng hình luật, cần lên một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe và phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 01 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội, không nặng đối với bị cáo.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo Phạm Thị T xuất trình các tình tiết mới gồm: 01 Biên lai thu tiền số: AA/2016/0004010 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang do bị cáo Phạm Thị T tự nguyện nộp tiền bồi thường cho đại diện người bị hại anh Tạ Văn Mạnh số tiền 200.000.000đồng; 01 Giấy tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì của ông Phạm Văn Bạt là ông nội bị cáo; 01 Giấy thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3

của Phạm Văn Chung; 01 Giấy khen của Phạm Văn Sản đều là anh trai của bị cáo; 01 Huân chương kháng chiến hạng 3 của ông Tô Hữu Mạo là ông nội chồng bị cáo; 01 Giấy tặng Kỷ niệm chương Thanh niên xung phong của mẹ chồng bị cáo. Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo xuất trình các giấy tờ phải nằm viện điều trị tại các bệnh viện do bị bệnh tật. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Hội đồng xét xử thấy, tại cấp phúc thẩm bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, bị cáo xuất thân từ gia đình lao động, phạm tội do lỗi vô ý, bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Đối chiếu với Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì bị cáo T có đủ điều kiện để được hưởng án treo, do vậy không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên hình phạt như án sơ thẩm đã tuyên nhưng chuyển cho bị cáo được hưởng án treo. Giao bị cáo cho UBND xã nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục như đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo cũng như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T đề nghị giảm mức bồi thường thiệt hại, kháng cáo của đại diện người bị hại anh Tạ Văn M đề nghị tăng mức bồi thường, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào thiệt hại thực tế, trên cơ sở yêu cầu bồi thường của đại diện bị hại, căn cứ vào Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét thấy Toà sơ thẩm chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho đại diện người bị hại các khoản chi phí tổng số tiền 372.331.800đ (Ba trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, tám trăm đồng). Bị cáo T còn phải cấp dưỡng cho hai con của người bị thiệt hại, cháu Tạ Quang B, sinh ngày 16/10/2002 và cháu Tạ Thị Hồng A, sinh ngày 18/10/2007, kể từ ngày 25/12/2018 cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo T đề nghị giảm mức bồi thường được.

[4] Đối với kháng cáo của đại diện người bị hại anh Tạ Văn M đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo và đề nghị tăng mức bồi thường. Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Phạm Thị T không có tình tiết tăng nặng, tại cấp phúc thẩm phát sinh nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, phạm tội do lỗi vô ý, bản thân chưa vi phạm pháp luật lần nào, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đại diện người bị hại cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện cho người bị hại đề nghị tăng hình phạt cũng như đề nghị tăng mức bồi thường cho bị cáo được.

[5] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường ngoài hợp đồng thì: Khi bồi thường khoản tiền bù

đáp tổn thất về tinh thần cho tất cả những người thân thích của người bị thiệt hại phải căn cứ vào mức độ tổn thất về tinh thần, số lượng người thân thích của họ, nhưng tối đa không quá 60 tháng *lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm giải quyết bồi thường*. Như vậy, ngày 15/7/2019 Hội đồng xét xử của TAND huyện Lục Nam lấy mức lương tối thiểu là 1.390.000đ để tính khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần và tiền cấp dưỡng cho hai con của bị hại Nguyễn Thị T4 là không đúng quy định của pháp luật, gây bất lợi cho những người đại diện của bị hại dẫn đến việc áp dụng án phí dân sự sơ thẩm với bị cáo T không đúng. Bởi lẽ theo quy định của Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành thì mức lương tối thiểu đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang kể từ ngày 1/7/2019 là 1.490.000 đồng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang để xử án sơ thẩm về lấy mức lương tối thiểu là 1.490.000đ để tính khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần và tiền cấp dưỡng cho hai con của bị hại. Cụ thể:

Tiền tổn thất tinh thần: Hàng thừa kế thứ nhất của người bị hại gồm có 5 người (Bố, mẹ, chồng và hai con của người bị thiệt hại), mỗi người 10 tháng lương tối thiểu là 50 tháng lương tối thiểu: $1.490.000đ \times 50 = 74.500.000đ$;

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường 377.331.800đ - 10.000.000đ số tiền bị cáo đã đưa cho gia đình bị hại, bị cáo còn phải bồi thường số tiền 367.331.800đ (Ba trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi một nghìn tám trăm đồng).

Bị cáo phải cấp dưỡng cho hai con của người bị thiệt hại, cháu Tạ Quang B, sinh ngày 16/10/2002 và cháu Tạ Thị Hồng A, sinh ngày 18/10/2007, mỗi cháu bằng $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu 745.000đ/tháng, kể từ ngày 25/12/2018 cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do xử án sơ thẩm nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 18.336.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm không buộc bị cáo T phải chịu tiền án phí cấp dưỡng theo quyết định của tòa án như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch là không đúng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Ngoài ra bản án còn có một số thiếu sót vi phạm như sau: Ông Nguyễn Đức T3 và bà Đỗ Thị V là những người đại diện hợp pháp cho bị hại, được hưởng tiền bồi thường từ bị cáo, tuy nhiên bản án sơ thẩm lại tuyên buộc bị cáo bồi

thường toàn bộ số tiền bồi thường cho anh Tạ Văn M mà không nêu rõ ông Tài và bà Vòng có ủy quyền cho anh Mạnh đại diện nhận số tiền trên hay không; bản án quyết định trả lại tài sản (xe mô tô) cho bị cáo nhưng không tạm giữ lại tài sản để đảm bảo thi hành án cần rút kinh nghiệm.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của đại diện người bị hại anh Tạ Văn M. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị T. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo qui định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 591 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Phạm Thị T phải bồi thường thiệt hại do anh Tạ Văn M đại diện số tiền 377.331.800đ, bị cáo đã bồi thường được số tiền 10.000.000đ, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 367.331.800đ (Ba trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, tám trăm đồng).

Tạm giữ của bị cáo Phạm thị T số tiền đã nộp 200.000.000đồng, tại Biên lai thu tiền số: AA/2016/0004010 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo Phạm Thị T phải cấp dưỡng cho cháu Tạ Quang B, sinh ngày 16/10/2002 và cháu Tạ Thị Hồng A, sinh ngày 18/10/2007, mỗi cháu 745.000đ/1 tháng, kể từ ngày 25/12/2018 cho tới khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Thị T không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo T phải chịu 18.366.000đồng và 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về cấp dưỡng.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương